



Bài giảng 15: Thuế TNDN và vấn đề chuyển giá ở Việt Nam

Đỗ Thiên Anh Tuấn

Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thuế Lợi tức
 - Thông qua 30/06/1990; hiệu lực 01/10/1990
 - Sửa đổi 06/07/1993; hiệu lực 01/09/1993
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp
 - Thông qua 10/05/1997; hiệu lực 01/01/1999
 - Thay thế 17/06/2003; hiệu lực 01/01/2004
 - Thay thế 03/06/2008; hiệu lực 01/01/2009
 - Sửa đổi 2014

Cải cách thuế TNDN ở Việt Nam

Luật thuế lợi tức			Luật thuế thu nhập doanh nghiệp							
1990 (1990)		1993 (1993)	1997 (1999)		2003 (2004)		2008 (2009)	2013 (2014)	2016	??
Ngành điện năng, khai thác mỏ, luyện kim, cơ khí, hóa chất cơ bản, phân bón, thuốc trừ sâu, vật liệu xây dựng, khai thác, chế biến lâm sản, thủy sản; xây dựng, vận tải	30%	25%	DN trong nước	32%	Thuế suất phổ thông	28%	25%	22% (SMEs là 20%)	20%	15-17%
Ngành công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm và sản xuất khác	40%	35%	DN nước ngoài	25%	Hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác dầu khí và tài nguyên quý hiếm khác	28% - 50%	32% - 50%			
Thương nghiệp, ăn uống, dịch vụ	50%	45%								

Thu nhập chịu thuế

- **Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ;**
- **Thu nhập khác:** thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản; thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản; thu nhập từ lãi tiền gửi, cho vay vốn, bán ngoại tệ; hoàn nhập các khoản dự phòng; thu khoản nợ khó đòi đã xóa nay đòi được; thu khoản nợ phải trả không xác định được chủ; khoản thu nhập từ kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót và các khoản thu nhập khác, kể cả thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở ngoài Việt Nam.

Thu nhập được miễn thuế (7 nhóm)

- Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản của tổ chức được thành lập theo Luật hợp tác xã.
- Thu nhập từ thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp.
- Thu nhập từ thực hiện hợp đồng NCKH và phát triển công nghệ, sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm, sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam.
- Thu nhập từ hoạt động SX-KD HH&DV của DN dành riêng cho lao động tàn tật, người sau cai nghiện, người nhiễm HIV.
- Thu nhập từ hoạt động dạy nghề dành cho người dân tộc thiểu số, người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng tị nạn xã hội.
- Thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, liên doanh, liên kết với doanh nghiệp trong nước, sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, NCKH, văn hóa, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam.

Thảo luận một số khoản chi phí không được trừ

- Phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là TCTD hoặc TCKT **vượt quá 150%** mức lãi suất cơ bản do NHNN công bố tại thời điểm vay;
- Phần chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại... liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh **vượt quá 10%** tổng số chi được trừ; đối với doanh nghiệp thành lập mới là phần chi **vượt quá 15%** trong ba năm đầu, kể từ khi được thành lập.

Chuyển lỗ và trích lập quỹ KH-CN

- Chuyển lỗ:
 - Doanh nghiệp có lỗ được chuyển số lỗ sang năm sau; số lỗ này được trừ vào thu nhập tính thuế.
 - Thời gian được chuyển lỗ không quá 05 năm, kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ.
- Trích lập Quỹ phát triển KH và CN:
 - Doanh nghiệp được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm để lập Quỹ.

Cải cách thuế TNDN ở Việt Nam

- Thống nhất thuế suất TNDN 20% áp dụng cho cả doanh nghiệp trong và ngoài nước;
- Thống nhất các thuế suất ưu đãi và hình thức ưu đãi áp dụng cho cả doanh nghiệp trong và ngoài nước;
- Cho phép giảm trừ các khoản chi phí hợp lý liên quan đến việc kinh doanh;
- Chuyển kinh doanh cá thể và gia đình sang thuế TNCN.
- Vấn đề chuyển giá ở các công ty đa quốc gia.



Chống chuyển giá ở Việt Nam: Những khó khăn, thách thức và giải pháp

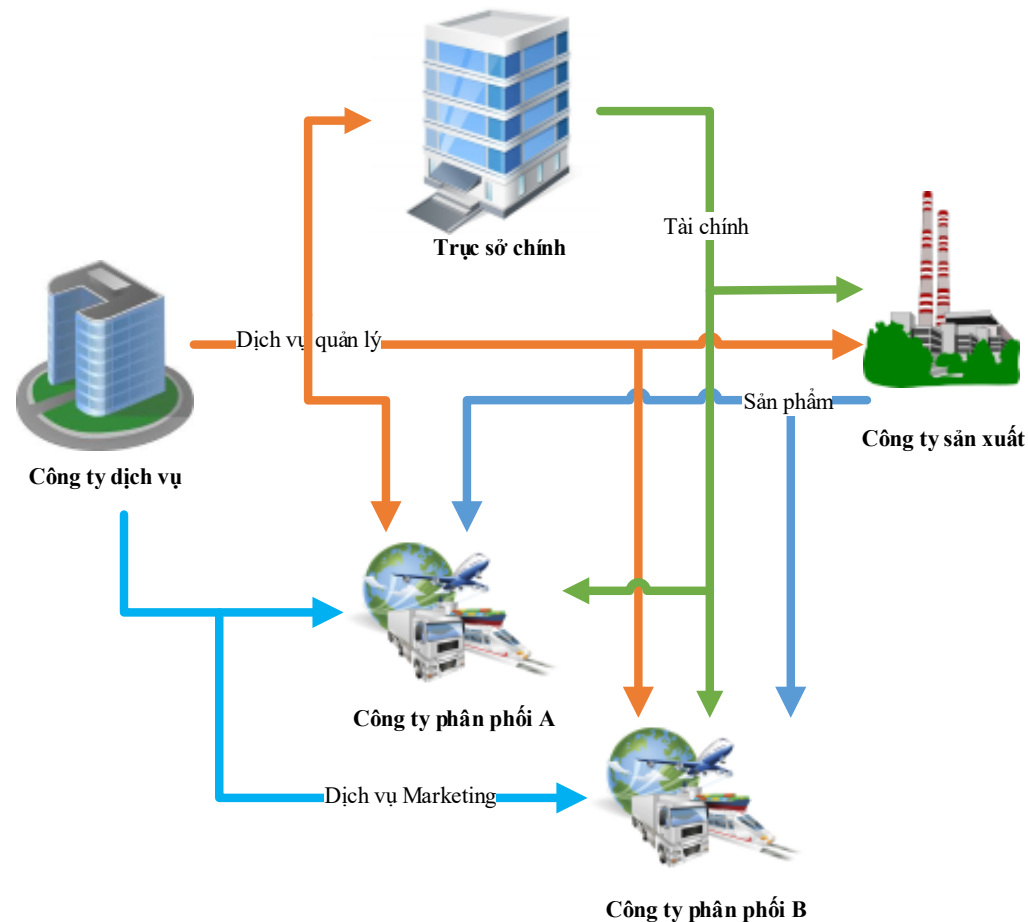
-----TUQV-----

Đỗ Thiên Anh Tuấn

Trường Chính sách Công và Quản lý Fulbright

Đại học Fulbright Việt Nam

Tính chất phức tạp của các giao dịch giữa các thành viên trong một tập đoàn đa quốc gia



Các hình thức chuyển giá phổ biến

- Tăng giá trị khoản vốn góp đầu tư
- Tăng vay nợ và chi phí trả lãi
- Mua nguyên vật liệu đầu vào với giá cao
- Mua bản quyền công nghệ, phát minh sáng chế
- Trả các chi phí cao khác (quản lý, quảng cáo, bán hàng...)
- Bán hàng với doanh thu thấp

Thuế suất thuế TNDN ở một số nước châu Á

2014

Quốc gia	Thuế suất
Cambodia	20.0%
Trung Quốc	25.0%
Ấn Độ	34.0%
Indonesia	25.0%
Nhật Bản	35.6%
Malaysia	25.0%
Philippines	30.0%
Thái Lan	20.0%
Việt Nam	22.0%
Singapore	17.0%
Trung bình	25.36%

2018

Quốc gia	Thuế suất
Cambodia	20.0%
Trung Quốc	25.0%
Ấn Độ	30.0%
Indonesia	25.0%
Nhật Bản	23.2%
Malaysia	24.0%
Philippines	30.0%
Thái Lan	20.0%
Việt Nam	20.0%
Singapore	17.0%
Trung bình	23.42%

Thuế suất thuế TNDN ở một số nước OECD

2014

Quốc gia	Thuế suất	Quốc gia	Thuế suất
Hoa Kỳ	40.0%	Bồ Đào Nha	23.0%
Nhật Bản	35.6%	Israel	26.5%
Bỉ	34.0%	Đan Mạch	24.5%
Pháp	33.3%	Áo	30.0%
Ý	31.4%	Hàn Quốc	24.2%
Canada	26.5%	Hy Lạp	26.0%
Tây Ban Nha	30.0%	Thụy Sĩ	17.9%
New Zealand	28.0%	Estonia	21.0%
Mê-hi-cô	30.0%	Thổ Nhĩ Kỳ	20.0%
Úc	25.0%	Slovenia	17.0%
Đức	29.6%	Slovakia	17.0%
Luxembourg	29.2%	Ba Lan	19.0%
Na Uy	27.0%	Hungary	19.0%
Anh	21.0%	Cộng hòa Séc	19.0%
Thụy Điển	22.0%	Iceland	20.0%
Phần Lan	20.0%	Chi-lê	20.0%
Hà Lan	25.0%	Ireland	12.5%
Yemen	20%	Trung bình OECD	25.32%

2018

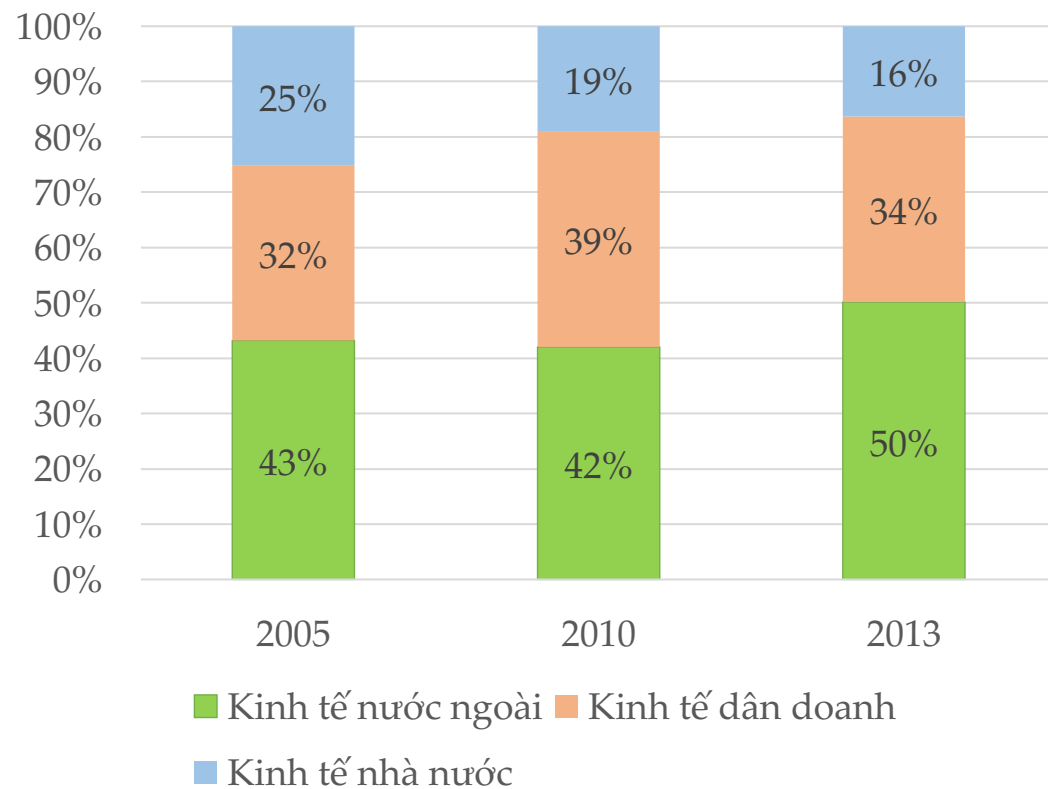
Quốc gia	Thuế suất	Quốc gia	Thuế suất
Hoa Kỳ	21.0%	Bồ Đào Nha	21.0%
Nhật Bản	23.2%	Israel	23.0%
Bỉ	29.0%	Đan Mạch	22.0%
Pháp	33.3%	Áo	25.0%
Ý	24.0%	Hàn Quốc	25.0%
Canada	15.0%	Hy Lạp	29.0%
Tây Ban Nha	25.0%	Thụy Sĩ	8.5%
New Zealand	28.0%	Estonia	20.0%
Mê-hi-cô	30.0%	Thổ Nhĩ Kỳ	22.0%
Úc	30.0%	Slovenia	19.0%
Đức	15.0%	Slovakia	21.0%
Luxembourg	18.0%	Ba Lan	19.0%
Na Uy	23.0%	Hungary	9.0%
Anh	19.0%	Cộng hòa Séc	19.0%
Thụy Điển	22.0%	Iceland	20.0%
Phần Lan	20.0%	Chi-lê	25.0%
Hà Lan	25.0%	Ireland	12.5%
Yemen	20.0%	Trung bình OECD	21.73%

Top 10 nơi trú ẩn thuế lớn nhất thế giới

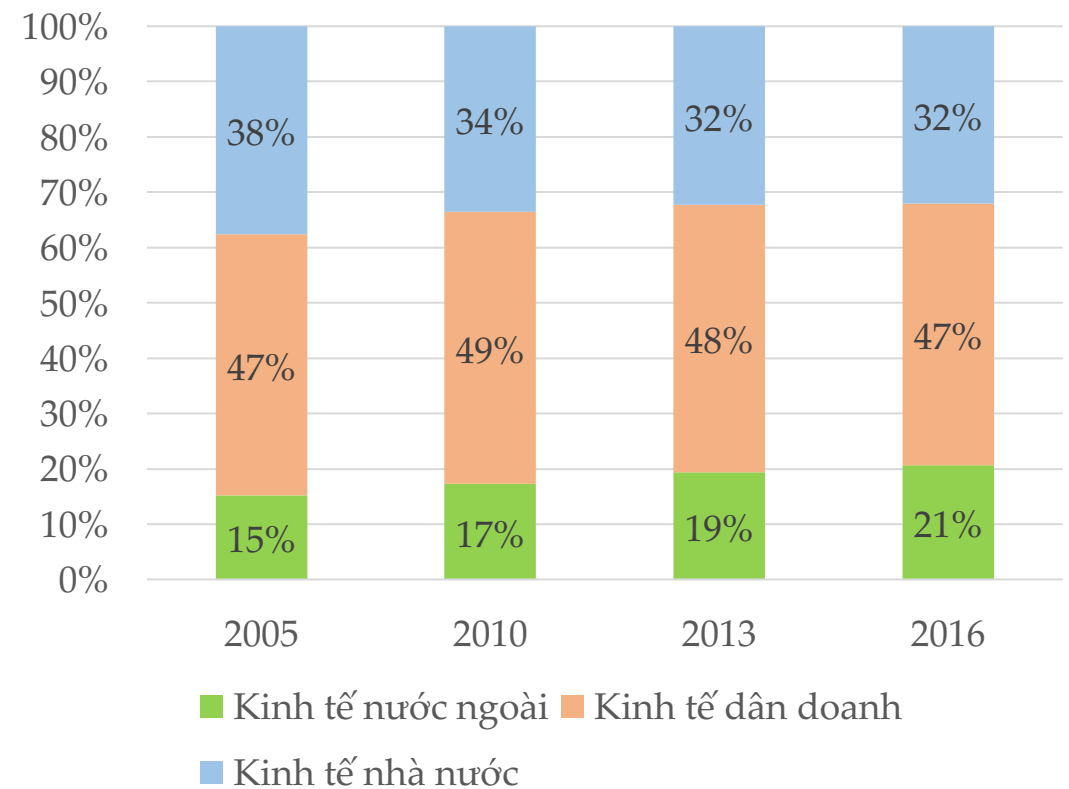
<u>Xếp hạng theo</u>	<u>Hines 2010</u>	<u>ITEP 2017</u>	<u>Zucman 2018</u>
1	Luxembourg*‡	Netherlands*†	Ireland*†
2	Cayman Islands*	Ireland*†	Caribbean: Cayman Islands* & British Virgin Islands*‡Δ
3	Ireland*†	Bermuda*‡	Singapore*†
4	Switzerland*†	Luxembourg*‡	Switzerland*†
5	Bermuda*‡	Cayman Islands*	Netherlands*†
6	Hong Kong*‡	Switzerland*†	Luxembourg*‡
7	Jersey‡Δ	Singapore*†	Puerto Rico
8	Netherlands*†	BahamasΔ	Hong Kong*‡
9	Singapore*†	Hong Kong*‡	Bermuda*‡
10	British Virgin Islands*‡Δ	British Virgin Islands*‡Δ	(n.a. as "Caribbean" contains 2 havens)

Đóng góp của khu vực FDI

Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp



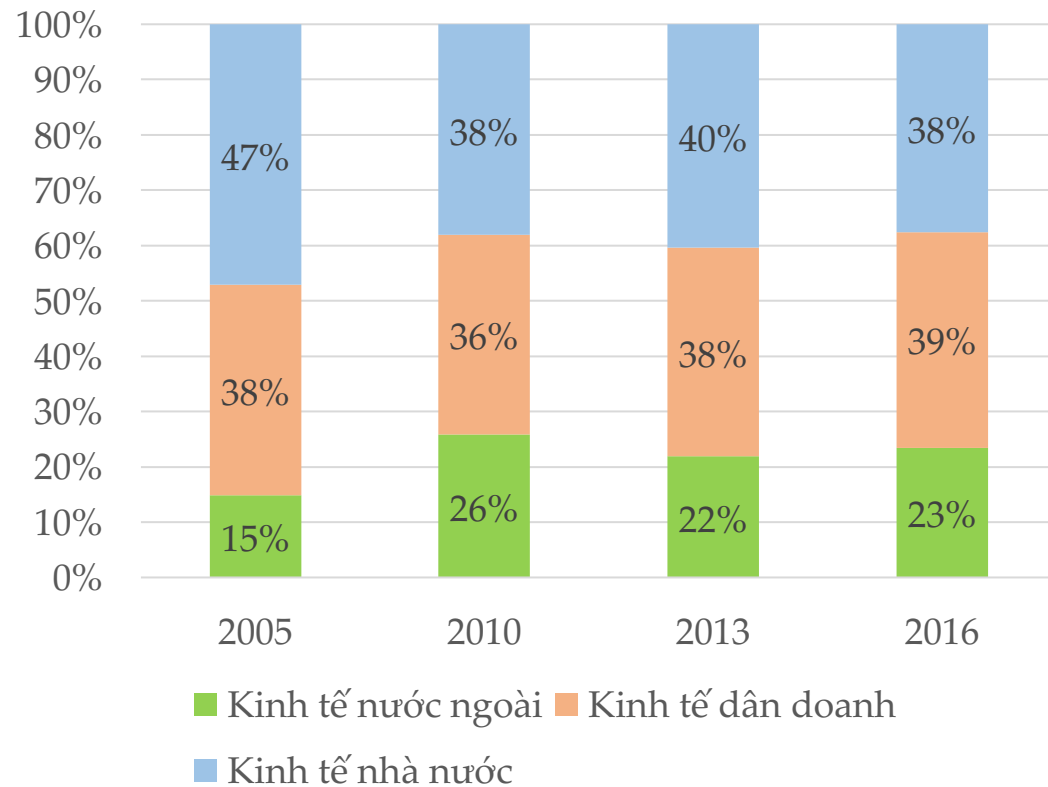
Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước



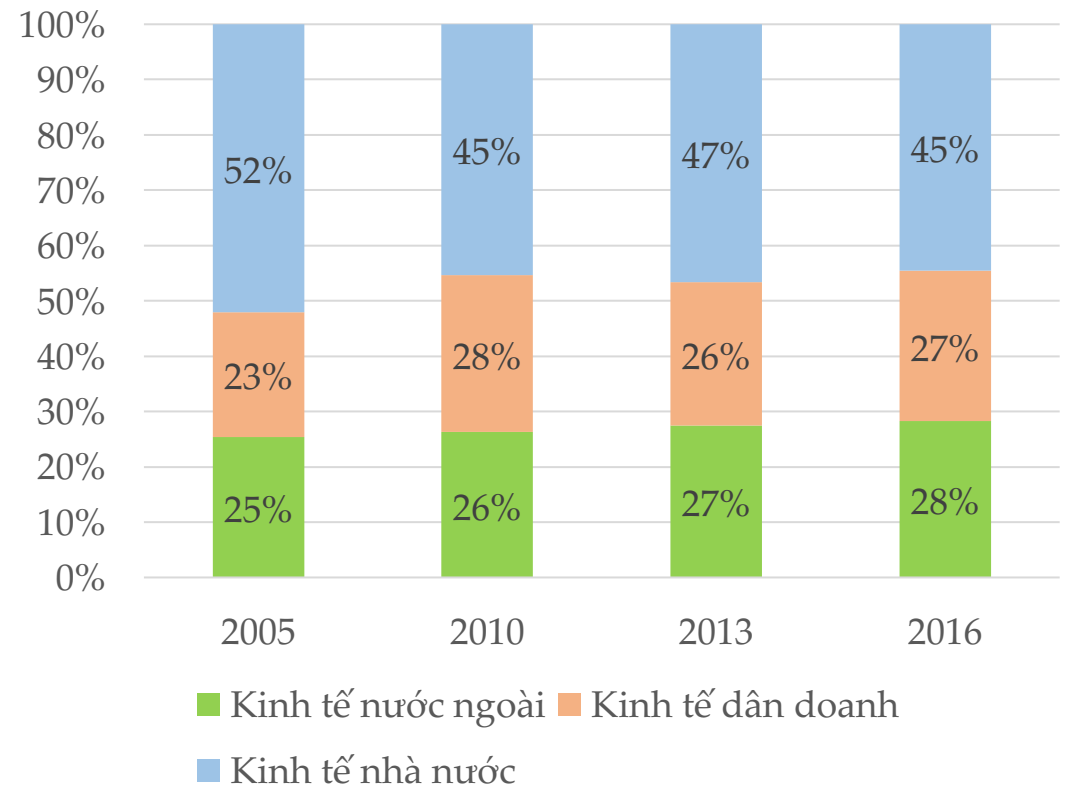
Nguồn: Tính từ số liệu của Tổng cục Thống kê

Đóng góp của khu vực FDI

Cơ cấu vốn đầu tư



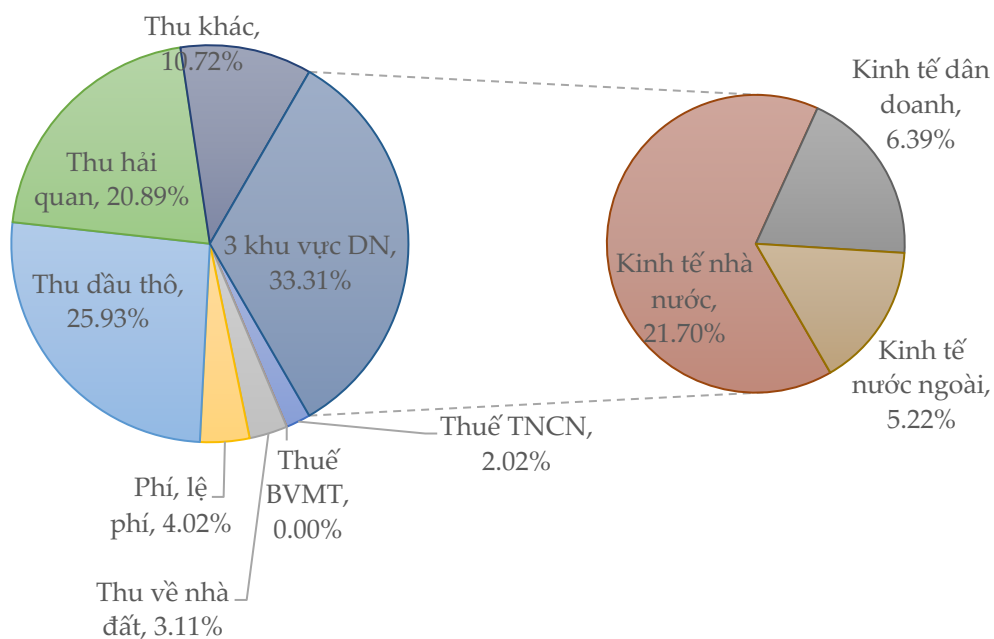
Cơ cấu nộp ngân sách



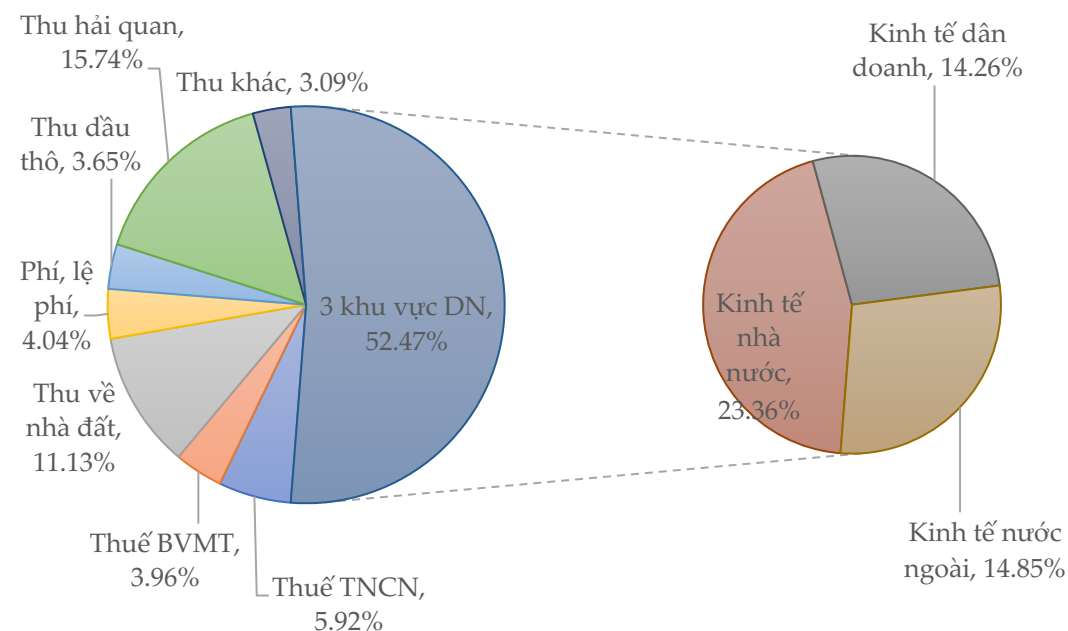
Nguồn: Tính từ số liệu của Tổng cục Thống kê

Đóng góp ngân sách của khu vực FDI

2000



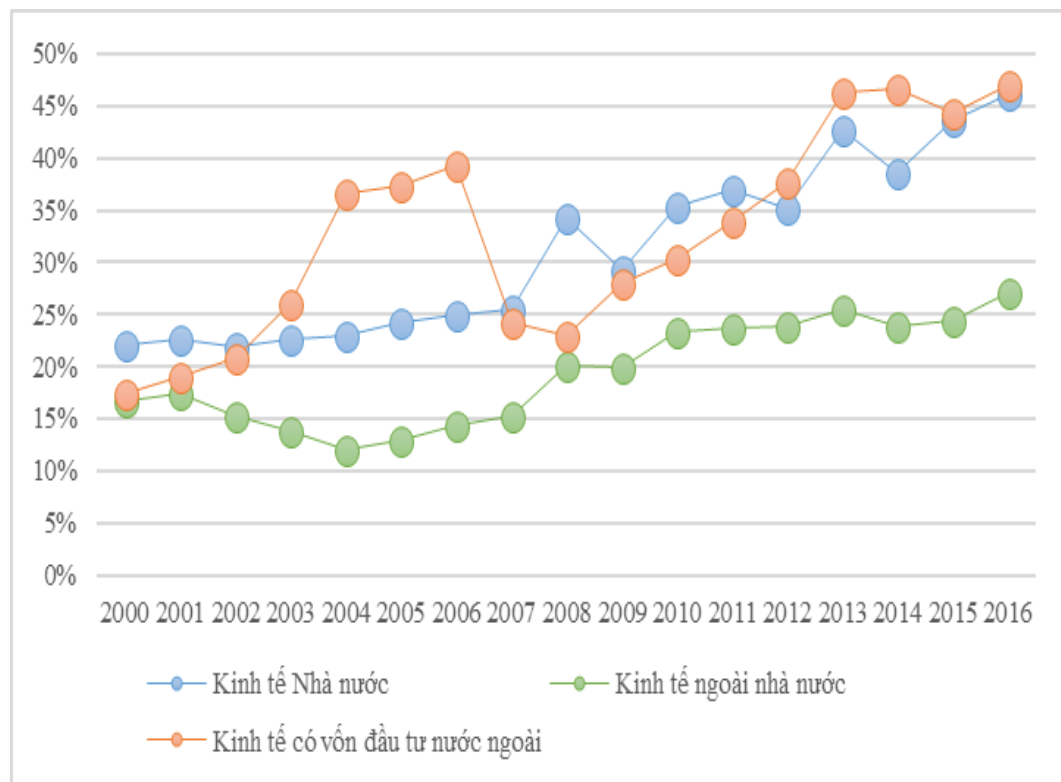
2016



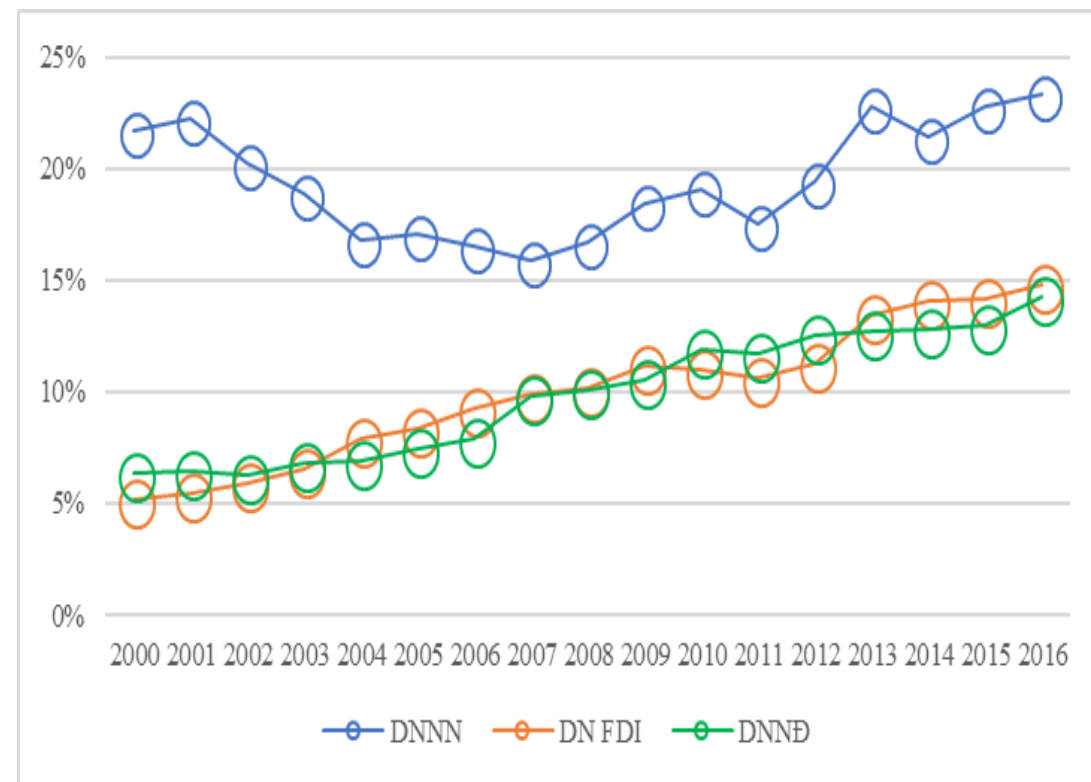
Nguồn: Tính từ số liệu của Tổng cục Thống kê

Đóng thuế của khu vực FDI

Tỷ suất thuế trên vốn đầu tư

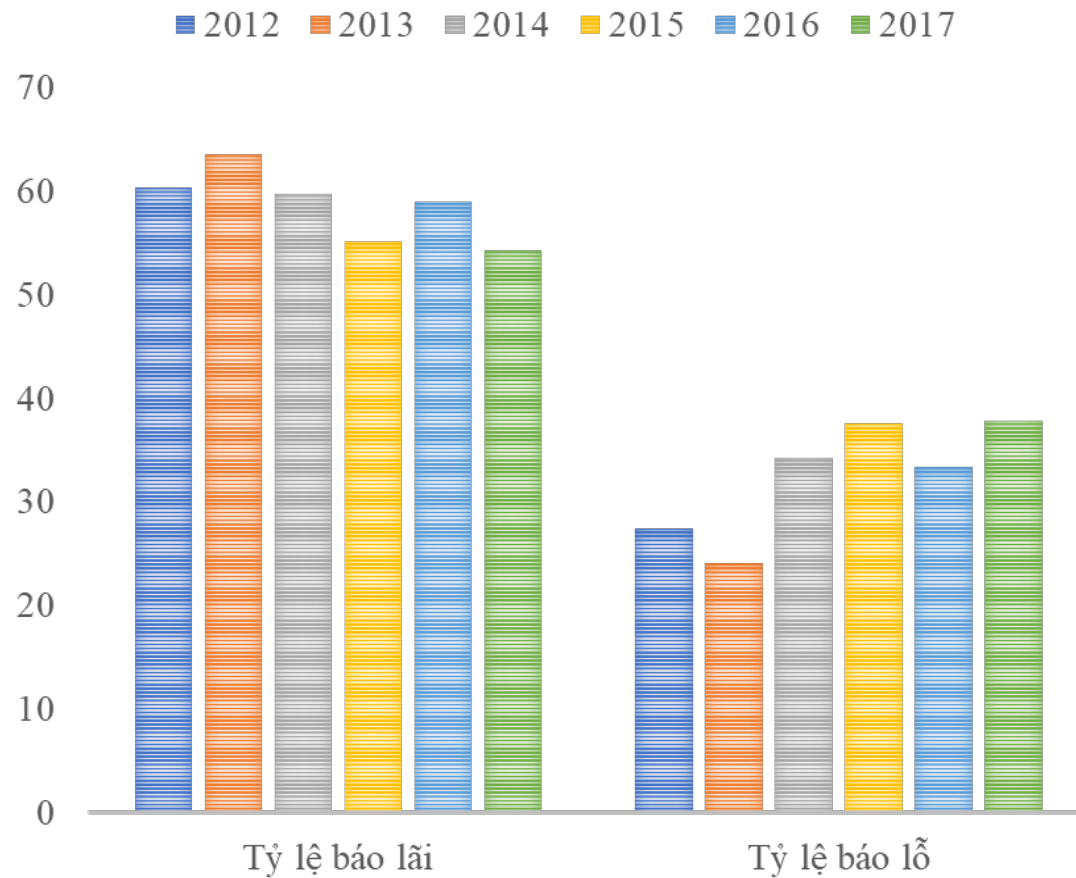


Tỷ lệ nộp thuế trong tổng thu NS

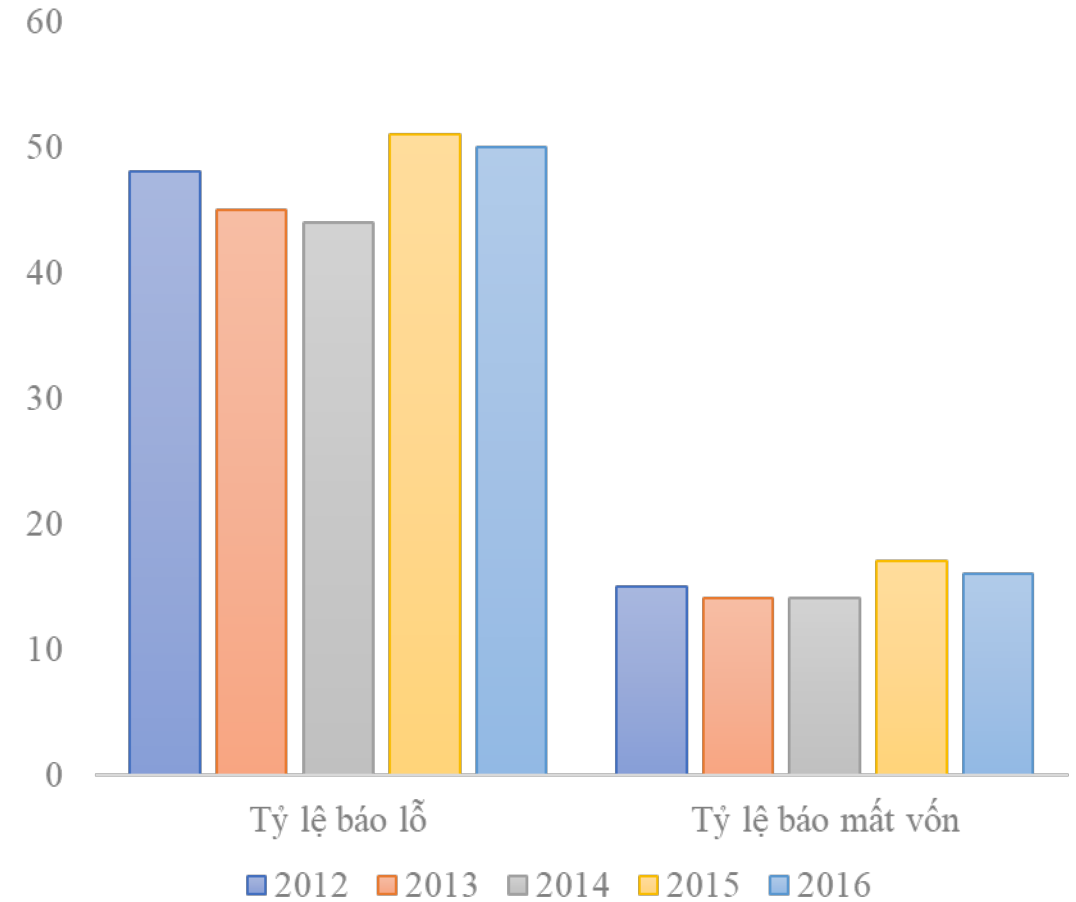


Nguồn: Tính toán từ số liệu Tổng cục Thống kê

Tình hình báo lỗ của DN FDI (%)



Nguồn: Số liệu của VCCI



Nguồn: Cục tài chính DN, Bộ Tài chính

Tỷ lệ DN FDI có kế hoạch mở rộng kinh doanh

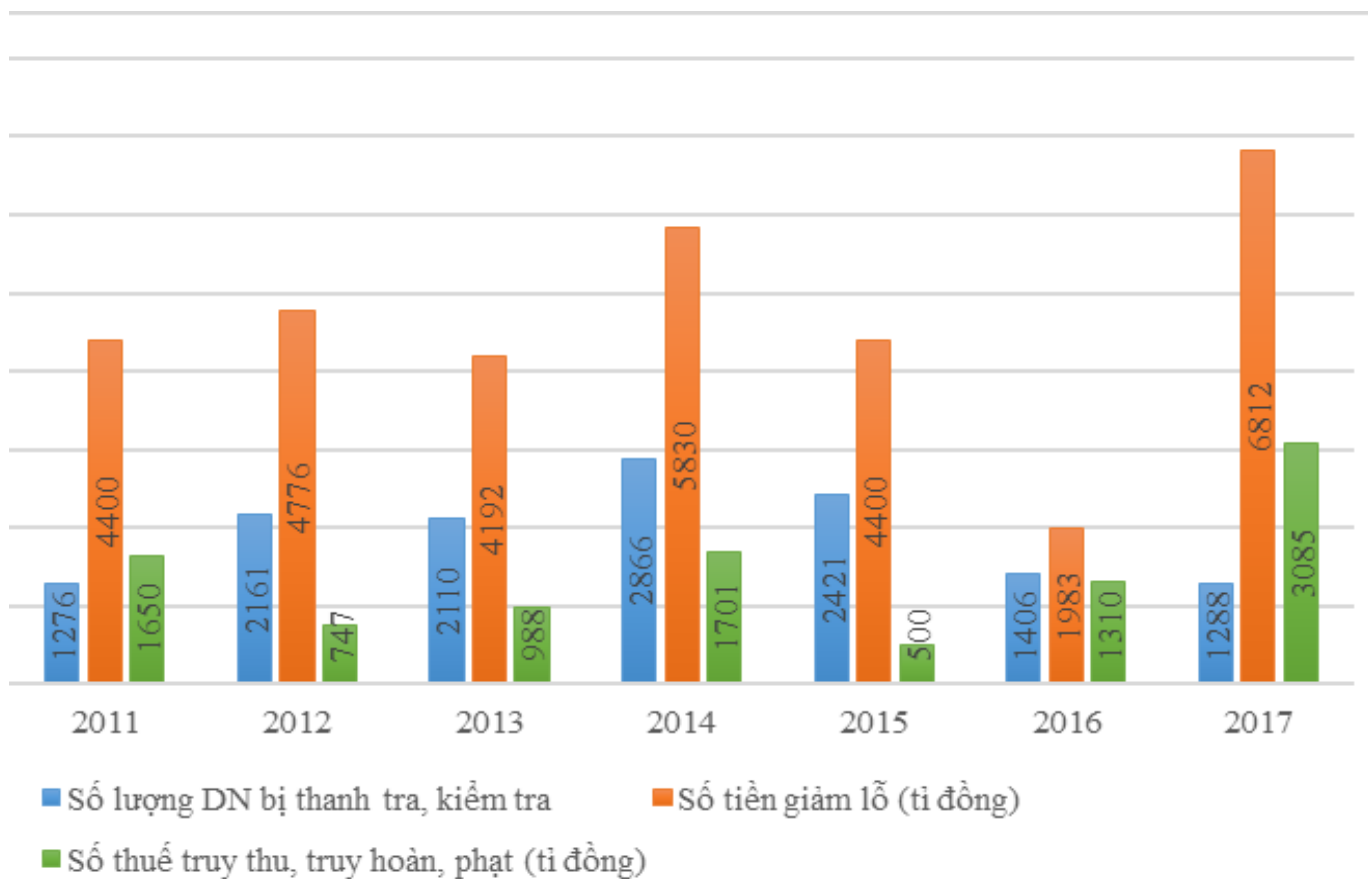
- Năm 2013: Chỉ chưa tới 30% doanh nghiệp FDI có kế hoạch mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh
- Năm 2017: Con số này tăng lên hơn 60%

Năm	Tỷ lệ DN tăng vốn đầu tư (%)	Tỷ lệ DN tăng quy mô lao động (%)	Tỷ lệ DN báo lãi (%)	Tỷ lệ DN báo lỗ (%)	Doanh thu trung vị (Triệu USD, quy về năm 2010)	Chi phí trung vị (Triệu USD, quy về năm 2010)
2012	5,2	31,0	60,4	27,5	1,54	0,97
2013	5,1	30,0	63,6	24,1	1,45	0,94
2014	16,1	62,4	57,9	34,2	1,14	0,71
2015	11,4	62,4	55,1	37,6	0,69	1,42
2016	11,0	63,3	59,0	33,4	0,73	0,49
2017	13,2	62,4	54,3	37,9	2,43	2,02



Nguồn: Khảo sát của VCCI

Tình hình thanh tra, kiểm tra chuyển gia' DN FDI ở Việt Nam



- Giai đoạn 2011-2017
- Tổng số 13.500 lượt DN FDI
- Số tiền giảm lỗ 32.400 tỉ đồng
- Số thuế truy thu, truy hoàn, xử phạt 10.000 tỉ đồng
- Thực tế còn nhiều hơn?

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ nhiều nguồn khác nhau

Tỉ lệ ước tính DN thực hiện chuyển giá (theo kết quả hoạt động năm 2013)

							Tỉ lệ chuyển giá ước tính (%)	
TT	Phân loại theo KQHĐ	n	Tỉ lệ DN	Sai số chuẩn	Giá trị T	Giá trị P	Ước tính thấp	Ước tính cao
8	Lợi nhuận > 20%	39	64.10%	10.10%	6.4	0	48.9%	81.3%
7	Lợi nhuận 10-20%	105	44.50%	6.90%	6.4	0	33.5%	55.5%
6	Lợi nhuận 5-10%	262	12.30%	9.70%	1.3	0.23	-3.2%	27.8%
5	Lợi nhuận 0-5%	455	9.10%	4.80%	1.9	0.08	1.4%	16.8%
4	Hòa vốn	163	19.70%	15.20%	1.3	0.22	-4.6%	44.0%
3	Lỗ 5-0%	176	30.90%	17.40%	1.8	0.1	3.1%	58.7%
2	Lỗ 10-5% doanh thu	76	-2.10%	24.60%	-0.1	0.93	-41.5%	37.3%
1	Lỗ $\geq$ 10% doanh thu	68	-0.30%	20.40%	0	0.99	-32.9%	32.3%

Nguồn: Khảo sát và tính toán của VCCI và USAID 2014

Tác động của hành vi chuyển giá

1. Xói mòn cơ sở thuế và dịch chuyển lợi nhuận
2. Tạo môi trường kinh doanh thiếu lành mạnh và không công bằng
3. Sự thất bại của chính sách công nghiệp
4. Nguồn lực không tối ưu hóa
5. Mất quyền kiểm soát doanh nghiệp và tài sản về tay đối tác nước ngoài
6. Góp phần làm tăng thâm hụt thương mại và các rủi ro tài chính

Khó khăn và thách thức chống chuyển giá ở Việt Nam

1. Bản chất phức tạp của hành vi chuyển giá
2. Hệ thống pháp lý về chuyển giá chưa hoàn chỉnh
3. Thiết chế pháp lý kém làm tăng chi phí quản lý lẫn chi phí tuân thủ thuế của doanh nghiệp
4. Môi trường thể chế và quản trị nhà nước thiếu minh bạch khuyến khích hành vi gian lận
5. Tư tưởng “nắm dễ buông khó” còn phổ biến
6. Cơ sở dữ liệu thuế, tài chính, và kinh tế không đầy đủ
7. Đội ngũ quản lý thuế thiếu kiến thức và các kỹ năng cần thiết
8. Đối xử của chính quyền với doanh nghiệp lớn có phần nhân nhượng
9. Cách mạng công nghiệp 4.0 và sự phức tạp trong các mô thức kinh doanh
10. Nền kinh tế tiền mặt

Một số giải pháp giúp hạn chế và hỗ trợ cho công tác chống chuyển giá ở Việt Nam

1. Không thu hút FDI bằng mọi giá
2. Không nhân nhượng quá mức với các tập đoàn lớn
3. Không cấp ưu đãi thuế đại trà
4. Hoàn thiện khung pháp lý về chuyển giá
5. Nâng cao năng lực quản trị nhà nước về kinh tế
6. Hoàn thiện chuẩn mực kế toán Việt Nam
7. Khuyến khích minh bạch và trách nhiệm công vụ
8. Giảm chi phí tuân thủ thuế và chế tài thuế hữu hiệu
9. Tổ chức tốt hệ thống cơ sở dữ liệu thuế, tài chính
10. Thiết lập các bộ phận chuyên trách về chống chuyển giá ở các địa phương/vùng
11. Trao thêm thẩm quyền của cơ quan thuế đi kèm với nâng cao trách nhiệm giải trình
12. Nâng cao năng lực, kỹ năng cho cán bộ thuế
13. Sử dụng quy tắc “bến cảng an toàn” (safe harbours)
14. Mở rộng và khuyến khích áp dụng thỏa thuận trước về giá (APA)
15. Xây dựng Quy tắc công ty nước ngoài có kiểm soát (CFC)
16. Kiểm soát vốn mỏng (thin cap) và âm vốn sở hữu
17. Hợp tác chống chuyển giá
18. Nguồn lực cho chống chuyển giá

Giải quyết các thách thức của nền kinh tế số

Thỏa thuận trung hòa nghĩa vụ thuế

Tăng cường giám sát công ty
đầu tư ra nước ngoài
(CFC rules)

Giới hạn khấu trừ lãi vay, xói mòn cơ sở thuế và các công cụ tài chính

Ứng xử với các quy tắc thuế
tiêu cực một cách hữu hiệu
hơn, khuyến khích tính minh
bach và thực chất

Ngăn chặn việc lạm dụng hiệp định

Ngăn chặn giả tạo hồ sơ thường trú

Phát triển các quy tắc nhằm
ngăn chặn BEPS thông qua
việc dịch chuyển giá trị tài
sản vô hình giữa các thành
viên tập đoàn

Phát triển các quy tắc nhằm
ngăn chặn BEPS thông qua
việc dịch chuyển rủi ro hoặc
phân bổ lại vốn thặng dư
giữa các thành viên tập đoàn

Phát triển các quy tắc nhằm
ngăn chặn BEPS thông qua
việc thiết lập các giao dịch
không hoặc rất hiếm khi xảy
ra với bên thứ ba

Thiết lập các phương pháp
luận để thu thập và phân tích
dữ liệu về BEPS và các hành
động giải quyết

Yêu cầu công bố thông tin
một cách đầy đủ

Tái xem xét các tài liệu, hồ sơ chuyên giá, thiết lập các giải trình

Thiết lập cơ chế giải quyết khiếu nại một cách hiệu quả

Thiết lập các cơ chế và công cụ đa phương

